

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/12/2021  
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Đào;

Bà Đoàn Thị Ngọc Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T – sinh năm 1989

HKTT: Khu 3, xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Chợ Đ A, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn:* Chị Chu Thị P – sinh năm 1995

HKTT: Khu 3, xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

Hiện chị P đang ở Đài Loan.

(Anh T xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị P có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/10/2015 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống ban

đầu hạnh phúc nhưng nhiều năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Chị P đã về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay anh xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Chu Thị P.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 24/12/2017 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 05/9/2019. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Chu Thị P hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Chu Văn T và bà Hà Thị Liên - là bố, mẹ đẻ của chị P. Đồng thời, tiến hành lấy lời khai của ông Thành, bà Liên về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp giữa Anh T và chị P.

*Ông Chu Văn T và bà Hà Thị L trình bày:*

Ông bà là bố, mẹ đẻ của chị Chu Thị P. Anh T và chị P đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống tại nhà bố mẹ Anh T. Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Trần Thùy D – sinh năm 2017 và cháu Trần Xuân P – sinh năm 2019. Hiện nay cháu Dương đang ở cùng mẹ đẻ Anh T còn cháu Phúc ở cùng với ông bà. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của Anh T, chị P ông bà không rõ. Trong quá trình chung sống, sau khi chị P sinh cháu Phúc thì vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do Anh T không quan tâm đến vợ con, không gửi tiền về để chị P nuôi con. Hiện nay chị P đang đi làm ăn ở Đài Loan, thỉnh thoảng có gọi điện thoại về cho ông bà nhưng ông bà không biết cách liên lạc với chị và không biết địa chỉ của chị P ở Đài Loan. Sau khi nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị P, ông bà đã thông báo nội dung các văn bản cho chị P biết nhưng do dịch Covid-19 nên chị P không thể về Việt Nam giải quyết việc ly hôn được. Nay Anh T làm đơn xin ly hôn chị P, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T ly hôn chị Chu Thị P.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Thủy D, sinh ngày 24/12/2017 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 05/9/2019 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Chu Thị P có hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số 11144/QLXNC-P5 ngày 11/5/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Chu Thị P, sinh ngày 27/8/1995, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 15/12/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Trần Văn T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Chu Thị P hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nhưng anh Trần Văn T không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh qua bố, mẹ đẻ của chị P là ông Chu Văn T và bà Hà Thị Liên. Ông Thành, bà Liên xác nhận chị P đang ở Đài Loan, vẫn thỉnh thoảng liên lạc về với ông, bà nhưng ông, bà không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn T và chị Chu Thị P đăng ký kết hôn ngày 08/10/2015 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của Anh T thì quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng nhiều năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Chị P đã về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó. Ông Chu Văn T và

bà Hà Thị Liên cũng xác nhận giữa hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ sau khi chị P sinh cháu thứ hai. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định anh Trần Văn T và chị Chu Thị P có 02 con chung là cháu Trần Thủy D, sinh ngày 24/12/2017 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 05/9/2019. Khi ly hôn, Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng. Xét thấy, chị P hiện nay đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con nên cần giao cả 02 con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các cháu. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T do Anh T không yêu cầu.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác:** Anh Trần Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí:** Anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn T ly hôn chị Chu Thị P.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Thủy D, sinh ngày 24/12/2017 và cháu Trần Xuân P, sinh ngày 05/9/2019 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi từng cháu thành niên, có khả năng lao động.

Chị Chu Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Anh T không yêu cầu.

Chị Chu Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Anh T đã nộp 300.000đ (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001702 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Phú Thọ.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, chị Chu Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Ngọc Mai**

**Nguyễn Xuân Đào**

**Nguyễn Việt Tiến**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Tiến**

